

Số: 356/QĐ-UBND

Thoại Sơn, ngày 29 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Khu trung tâm xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông báo số 1638/TB-SXD ngày 01/6/2021 của Sở xây dựng tỉnh An Giang về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch nông thôn mới trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 03/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đến 2035;

Căn cứ Quyết định số 2607/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 của Chủ tịch

UBND huyện Thoại Sơn về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 3702/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện Thoại Sơn về việc phê duyệt Nhiệm vụ và tổng dự toán chi phí lập đồ án quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang;

Căn cứ Công văn số 606A/SXD-QH ngày 26/02/2024 của Sở Xây dựng An Giang về việc ý kiến tổng mặt bằng Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm các xã, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế Hạ tầng tại Tờ trình số 99/TTr.TĐ-KTHT ngày 27/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

2.1. Vị trí: Khu trung tâm xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang;

2.2. Phạm vi ranh giới:

- Phía Bắc giáp nhà ở hiện trạng và một phần đất trồng lúa;
- Phía Đông giáp đất trồng lúa và nhà dân hiện trạng;
- Phía Tây giáp đường bê tông cấp kênh Núi Chóc Năng Gù;
- Phía Nam giáp đất ở và nhà dân hiện trạng.

2.3. Qui mô:

- Tổng mặt bằng: 46.809 m²;
- Dân số: 350 người.

3. Mục tiêu quy hoạch, tính chất khu vực lập quy hoạch

3.1. Mục tiêu:

- Đáp ứng nhu cầu phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu vực;
- Góp phần chỉnh trang và tăng vẻ mỹ quan cho xã Mỹ Phú Đông nhằm thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế xã hội ở địa phương;
- Góp phần cải thiện điều kiện sống của nhân dân trong khu vực;
- Định hướng phát triển cho trung tâm xã nhằm phục vụ tốt hơn cho người dân trong khu vực.

3.2. Tính chất:

Là khu trung tâm hành chính cấp xã kết hợp nhà phố liên kế, quy hoạch theo hướng chỉnh trang, giữ lại các trụ sở hiện hữu kết hợp xây mới, hoàn thiện các khu chức năng hạ tầng xã hội và hệ thống hạ tầng kỹ thuật nhằm mục tiêu khai thác có hiệu quả giá trị sử dụng đất, đảm bảo sự phát triển kinh tế xã hội bền vững, phù hợp xu hướng phát triển chung của huyện Thoại Sơn và đủ điều kiện nâng cấp lên huyện nông thôn mới nâng cao trong năm 2024.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

4.1. Quy hoạch sử dụng đất

4.1.1. Nội dung quy hoạch

- Giữ nguyên khu hành chính xã gồm: UBND xã, công an xã, xã đội, dân vận và trung tâm học tập cộng đồng với quy mô 7.663m²;
- Xây mới khu trạm y tế 1.447m²;
- Bố trí cụm thể thao phục vụ cho các sinh hoạt thể dục thể thao của xã nằm phía đông UBND xã trên phần đất nông nghiệp với quy mô 5.704m²;
- Bố trí khu đất ở mới (ngăn hạn) trên phần đất nông nghiệp, tiếp giáp với khu dân cư hiện hữu tạo sự khang trang, sinh động cho khu trung tâm xã;
- Bố trí trường mầm non trong khu đất ở mới, đảm bảo đủ quy mô phục vụ nhu cầu giáo dục cho con em người dân trong khu vực quy hoạch và lân cận;
- Bố trí khu công viên cây xanh trong khu dân cư mới tạo không gian sinh hoạt cộng đồng và tạo vi khí hậu cho khu vực.

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT

Stt	Loại đất	Diện tích(m²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở (350 dân)	10.084,40	21,54
1	Đất ở hiện trạng chỉnh trang	3.225,00	
2	Đất ở mới (ngăn hạn) - 76 nền	6.859,40	
II	Đất công trình công cộng - dịch vụ	14.707,00	31,42
1	Khu hành chính xã	7.663,00	
2	Trường tiểu học	5.034,00	
3	Trạm y tế	1.447,00	
4	Trường mầm non	563,00	
III	Đất cây xanh - TĐTT	6.674,00	14,26
1	Cụm sân TĐTT trung tâm xã	5.704,00	
2	Công viên cây xanh - bể xử lý nước thải	970,00	
IV	Đất giao thông - dấu nổi HTKT	13.499,60	28,84
V	Đất ta luy	1.844,00	3,94
TỔNG CỘNG		46.809,00	100,00

4.1.2. Phân khu chức năng

a. Đất ở: Diện tích 10.084,4m², chiếm 21,54% diện tích toàn khu quy hoạch, trong đó:

- **Đất ở hiện trạng chỉnh trang:** diện tích 3.225m², nằm tiếp giáp giao thông đường huyện ĐH.76 (Tuyến bờ Nam Mỹ Phú Đông), đường số 6, liền kề với khu đất ở mới (ngăn hạn).

- + Ký hiệu: O-HT1;
- + Tầng cao tối đa: 4 tầng;
- + Mật độ xây dựng: theo quy chuẩn;
- + Hệ số sử dụng đất: 4 lần;
- + Diện tích đất ở trung bình: 50m²/người.

- **Đất ở mới (ngăn hạn):** diện tích 6.859,4m², gồm 5 khu bố trí 76 nền, kích thước chủ yếu 5x18m, nằm tiếp giáp giao thông đường số 2, đường số 6, đường số 9, liền kề trường mầm non, nhà ở hiện trạng, khu công viên cây xanh.

- + Ký hiệu: L1, L2, L3, L4, L5;
- + Tầng cao tối đa: 3 tầng;
- + Hệ số sử dụng đất: 3 lần;
- + Mật độ xây dựng: 90% 100%.

BẢNG THỐNG KÊ LÔ NỀN

Loại	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Số nền	Kích thước (m)	Mật độ XD (%)
Nhà ở nông thôn	LÔ L1	1.252,00	14		
	Lô 1 - Lô 13	1.170,00	13	5 x 18	100%
	Lô 14 (nền góc)	82,00	1	5 x 18	100%
	LÔ L2	1.275,40	14		
	Lô 1 - Lô 2	167,46	2	5 x 16,74	100%
	Lô 3 (nền góc)	125,97	1	8 x 16,74	90%
	Lô 4 - Lô 13	900,00	10	5 x 18	100%
	Lô 14 (nền góc)	82,00	1	5 x 18	100%
	LÔ L3	1.964,00	22		
	Lô 1 - Lô 10	900,00	10	5 x 18	100%
	Lô 11 (nền góc)	82,00	1	5 x 18	100%
	Lô 12 (nền góc)	82,00	1	5 x 18	100%
	Lô 13 - Lô 22	900,00	10	5 x 18	100%
	LÔ L4	712,00	8		

Loại	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Số nền	Kích thước (m)	Mật độ XD (%)
	Lô 1 - Lô 7	630,00	7	5 x 18	100%
	Lô 8 (nền góc)	82,00	1	5 x 18	100%
	LÔ L5	1.656,00	18		
	Lô 1 - Lô 17	1.530,00	17	5 x 18	100%
	Lô 18	126,00	1	7 x 18	90%
TỔNG CỘNG		6.859,40	76	Nền	

b. Đất công trình công cộng - dịch vụ: Tổng diện tích 14.707m², chiếm 31,42% diện tích toàn khu quy hoạch, trong đó:

- **Khu hành chính xã:** diện tích 7.663m², gồm: UBND xã, Dân vận, Xã đội, Công an xã, Trung tâm văn hoá và học tập cộng đồng.

- + Kí hiệu: HC;
- + Tầng cao tối đa: 3 tầng;
- + Mật độ xây dựng tối đa: 40% ;
- + Hệ số sử dụng đất: 1,20 lần;
- + Mật độ cây xanh: 30%;

- **Trường tiểu học:** diện tích 5.034m², nằm liền kề với khu hành chính xã, tiếp giáp giao thông đường huyện ĐH.67, đường số 1.

- + Kí hiệu: GD;
- + Tầng cao tối đa: 3 tầng;
- + Mật độ xây dựng tối đa: 40%;
- + Hệ số sử dụng đất: 1,2 lần;

- **Trạm y tế:** diện tích 1.474m², bố trí nằm liền kề với Cụm sân TDĐT trung tâm xã, tiếp giáp giao thông đường số 1.

- + Kí hiệu: YT;
- + Tầng cao tối đa: 2 tầng;
- + Mật độ xây dựng tối đa: 40%;
- + Hệ số sử dụng đất: 0,8 lần.

- **Trường mầm non:** diện tích 563m², bố trí liền kề với khu đất ở mới (ngăn hạn), tiếp giáp giao thông đường số 2 và đường số 5.

- + Kí hiệu: MN;
- + Tầng cao tối đa: 2 tầng;
- + Mật độ xây dựng tối đa: 40%;

+ Hệ số sử dụng đất: 0,8 lần.

c. Đất cây xanh - Thẻ dự thể thao: Diện tích 66.674m², chiếm 14,26% diện tích toàn khu quy hoạch, trong đó:

- **Cụm thể dự thể thao trung tâm xã:** diện tích 5.704m², bố trí tiếp giáp giao thông đường số 1, liền kề với Trạm y tế.

+ Ký hiệu: TT;

+ Mật độ xây dựng: 40%;

+ Tầng cao xây dựng tối đa: 2 tầng;

+ Hệ số sử dụng đất: 0,8 lần;

+ Mật độ cây xanh: 40%.

- **Công viên cây xanh + Bể xử lý nước thải:** diện tích 970m², bố trí tiếp giáp giao thông đường số 2, số 4, số 5, cây xanh cách ly phải thiết kế hợp lý để có được tác dụng trang trí, phân cách, chống ồn, chống bụi, phối hợp kiến trúc, tạo cảnh quan đường phố, cải tạo vi khí hậu, vệ sinh môi trường, chống nóng, không gây độc hại, nguy hiểm cho khách bộ hành, an toàn giao thông và không ảnh hưởng đến công trình hạ tầng. Bố trí bể xử lý nước thải để xử lý lượng nước thải cho toàn khu quy hoạch trước khi thải ra kênh, rạch gần nhất.

+ Ký hiệu: CX1, CX2;

+ Mật độ xây dựng: 5%;

+ Tầng cao xây dựng tối đa: 1 tầng.

d. Đất giao thông và Hạ tầng kỹ thuật: Diện tích 13.499,6m², chiếm 28,84% diện tích toàn khu quy hoạch.

e. Đất ta luy: diện tích 1.844m², chiếm 3,94% diện tích toàn khu

f. Các hạng mục công trình theo quy định:

Các hạng mục công trình theo quy định của trung tâm xã (QCVN 01:2021/BXD)	Quy mô các công trình	
	Thuộc phạm vi nghiên cứu của đồ án quy hoạch chi tiết	Không thuộc phạm vi nghiên cứu của đồ án QHCT nhưng đã có ở vị trí khác trên địa bàn xã
I. KHU TRUNG TÂM CHÍNH XÃ - TRỤ SỞ LÀM VIỆC CƠ QUAN XÃ		
1. UBND-HĐND-Các đoàn thể-Đảng ủy	- Thuộc khu đất hành chính xã có diện tích: 7.662m ²	
2. Công an		
3. Xã đội		
II. CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG DỊCH VỤ		
1. GIÁO DỤC		

Các hạng mục công trình theo quy định của trung tâm xã (QCVN 01:2021/BXD)	Quy mô các công trình	
	Thuộc phạm vi nghiên cứu của đồ án quy hoạch chi tiết	Không thuộc phạm vi nghiên cứu của đồ án QHCT nhưng đã có ở vị trí khác trên địa bàn xã
a. Trường mẫu giáo - mầm non	- Trường mầm non (cụm dân cư), diện tích: 563m ²	- Trường mẫu giáo tại ấp Tân Phú, diện tích: 1.250m ² - Trường mẫu giáo tại ấp Tân Đông, diện tích: 1.754,1m ²
b. Trường tiểu học	Trường tiểu học, diện tích: 5.034m ²	- Trường tiểu học Mỹ Phú Đông (điểm chính) tại ấp Tân Đông, diện tích: 39.25,7m ² - Trường tiểu học Mỹ Phú Đông (điểm 3) tại ấp Tân Đông, diện tích: 2.767,1m ² - Trường tiểu học Mỹ Phú Đông (điểm 4) tại ấp Tân Đông, diện tích: 1331m ²
c. Trường trung học	X	- Trường THCS tại ấp Tây Mỹ, diện tích: 8.851m ²
2. Y TẾ		
Trạm y tế	- Trạm y tế xã, diện tích: 1.447m ²	
3. VĂN HÓA, THỂ THAO CÔNG CỘNG		
a. Nhà văn hóa	- Thuộc khu trung tâm văn hóa & học tập cộng đồng, nằm trong diện tích khu đất hành chính xã	
b. Phòng truyền thống		
c. Thư viện		
d. Hội trường		
e. Cụm công trình, sân bãi thể thao	- Cụm sân thể dục thể thao xã tại ấp Tân Mỹ, diện tích: 5.704m ²	
4. CHỢ, CỬA HÀNG DỊCH VỤ		
a. Chợ	X	Chợ xã: diện tích 1.743,6 m ²
b. Cửa hàng dịch vụ trung tâm	X	Quy hoạch mới cửa hàng dịch vụ trung tâm ở ấp Tân Mỹ, quy mô khoảng 400m ²
5. ĐIỂM PHỤC VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG		

Các hạng mục công trình theo quy định của trung tâm xã (QCVN 01:2021/BXD)	Quy mô các công trình	
	Thuộc phạm vi nghiên cứu của đồ án quy hoạch chi tiết	Không thuộc phạm vi nghiên cứu của đồ án QHCT nhưng đã có ở vị trí khác trên địa bàn xã
Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông (bao gồm cả truy cập Internet)	X	- Bưu điện quy mô: 128,6m ²

4.2. Quy hoạch Hạ tầng Kỹ thuật

4.2.1. Hệ thống giao thông:

a. Quy hoạch mạng lưới giao thông: Mạng lưới đường giao thông được thiết kế đảm bảo thuận tiện giữa các khu chức năng, tạo thành mạng lưới hoàn chỉnh, phân cấp rõ ràng tạo điều kiện sử dụng hiệu quả nhất.

- Đường huyện ĐH.67: lộ giới 29m, mặt cắt 1-1 (3-7-3), khoảng lùi 8m;
- Đường huyện ĐH. 76: lộ giới 29m, mặt cắt 2-2 (3-6-3), khoảng lùi 8,5m.

b. Bảng thống kê mạng lưới giao thông

Stt	Tên đường	Chiều dài(m)	Mặt cắt	Diện tích (m ²)			Lộ giới (m)	Khoảng lùi (m)
				Lề	Lòng	Lề		
1	Đường huyện ĐH 67	169	1-1	3	7	3	29	8
2	Đường huyện ĐH 76	192,5	2-2	3	6	3	29	8,5
3	Đường số 1	173	3-3	3	7	3	13	4
4	Đường số 2	116	4-4	4	7	4	15	0
5	Đường số 3	116	5-5	3	6	3	12	0
6	Đường số 4	87	5-5	3	6	3	12	0
7	Đường số 5	155	5-5	3	6	3	12	0
8	Đường số 6	159	6-6	3	3,5	3	9,5	5,25
Tổng cộng		1.167,5 m		13.499,6 m²				

4.2.2. Hệ thống cấp nước:

a. Nguồn nước:

- Nguồn nước do trạm cấp nước xã Mỹ Phú Đông cấp cho toàn khu thông qua tuyến nối từ ống cấp chính Ø110 (hiện hữu) trên 2 tuyến đường huyện ĐH.67 và ĐH.76;

- Hệ thống cấp nước cứu hỏa được thiết kế chung với mạng lưới cấp nước sinh hoạt với hình thức chữa cháy áp lực thấp. Các trụ cứu hỏa lắp đặt đảm bảo chữa cháy cho với bán kính phục vụ < 150m (trụ lắp trên đường ống tiết diện Ø110).

b. Tiêu chuẩn dùng nước:

Stt	Tên công việc	Cách tính	KH	KL	ĐVT
1	Số dân được cấp nước	Dân số QH	N	350,0	Người
2	Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt	80 lít/người/ngày đêm	Q	0,08	M ³ /người/nd
3	Nước cấp sinh hoạt	Q x N	Qsh	28,00	M ³ /nd
4	Nước phục vụ công cộng	Qsh x 10%	Qcc	2,80	M ³ /nd
5	Tưới cây + rửa đường	Qsh x 8%	Qtc	2,24	M ³ /nd
6	Nước dự phòng rò rỉ	(Qsh+Qcc+Qtc) x 15%	Qdp	4,96	M ³ /nd
7	Nước bản thân nhà máy	(Qsh+Qcc+Qtc+Qdp) x 4%	Qnm	1,52	M ³ /nd
Tổng lượng nước cấp		Qsh+Qcc+Qtc+Qdp+Qnm	Qt	39,52	M³/nd

c. Thống kê hệ thống cấp nước:

- Đường ống HDPE Ø110: 575m;
- Đường ống HDPE Ø63: 508m;
- Trục cứu hỏa: 4trụ;
- Van khóa: 1 cái;
- Van xả khí: 1 cái;
- Van xả cạn: 1 cái.

4.2.3. Thoát nước mưa:

- Thoát ra kênh Núi Chóc Năng Gù.
- Lựa chọn hệ thống thoát nước riêng.
- Nước mưa được thu gom thông qua các tuyến cống BTCT Ø600, cống BTCT Ø400 đặt theo tuyến giao thông thoát ra mương tưới.

- Thống kê thoát nước:

- + Cống BTCT Ø600; i=1,7‰: 440 m;
- + Cống BTCT Ø400; i=1,7‰: 210 m;
- + Hồ ga: 35 cái;
- + Miệng xả: 3 cái.

4.2.4. Hệ thống cấp điện:

a. Nguồn cấp:

- Nguồn điện: Kết nối đường dây trung thế kết hợp hạ thế hiện hữu đi trên trụ BTCT dọc đường huyện 67 cung cấp cho khu vực quy hoạch.

- Lưới điện chiếu sáng lấy điện từ trạm biến áp 22/0,4KV.

b. Tính toán phụ tải điện:

Stt	Loại phụ tải	Quy mô	ĐVT	Chỉ tiêu	ĐVT	CS (Kw)
1	Phụ tải điện sinh hoạt	350,0	người	200	W/người	70,00
2	Cấp điện công cộng	20% phụ tải sinh hoạt				26,00
3	Cấp điện cho giao thông	13.499,60	m ²	1,0	W/m ²	13,50
4	Cấp điện công viên cây xanh	6.674,00	m ²	0,5	W/m ²	3,34
Nhu cầu dùng điện						100,84

c. Thống kê hệ thống cấp điện:

- ĐDK trung, hạ thế (22kv-0,4kv) hiện hữu;
- ĐDK trung – hạ thế mới (22kv 0,4kv): 190 m;
- ĐDK hạ thế + chiếu sáng (0,4kv) mới: 684m;
- Trụ Trung thế + đèn chiếu sáng: 07 trụ;
- Trụ Hạ thế + Chiếu sáng: 29 trụ;
- Trạm biến áp (22kv 0,4kv): 02 trạm;
- Cấp thông tin (cáp quang): 8.700m.

4.2.5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, Thông tin liên lạc:

a. Thoát nước thải - quản lý chất thải rắn:

- Chọn giải pháp thoát nước riêng;
- Nước thải được thu gom đưa về bể xử lý tập trung trong khu xử lý chất thải cấp kênh để xử lý trước khi thải ra kênh.

b. Tính toán lượng nước thải:

Nội dung	KH	Qui mô	Đơn vị
Tổng lưu lượng nước cấp: Q _{cấp}	Q _c	39,52	m ³ /nd
Tổng lưu lượng nước thải: Q _{thải} ≥ 90% Q _{cấp}	Q _t	35,56	m ³ /nd
Tổng lưu lượng nước thải toàn khu		35,56	m ³ /nd

c. Thông tin liên lạc:

- Sử dụng mạng viễn thông tổng đài bưu điện xã Mỹ Phú Đông của các công ty viễn thông mạng 4G, 5G đầu nối từ tuyến cáp hiện hữu trên đường liên xã.
- Tuyến cáp thông tin liên lạc đi trên trụ điện hoặc trụ bù.

4.2.6. Giải pháp giảm thiểu và khắc phục các tác động môi trường:

- a. Giảm thiểu tác động đối với Khu hành chính xã:** Bố trí dây cây xanh cách ly giữa khu hành chính và đường giao thông tạo bóng mát và làm sạch

không khí do khói bụi gây ra làm ảnh hưởng đến khu vực xung quanh khu hành chính.

b. Giảm thiểu tác động đối với các Khu dân cư:

- Bố trí các khu công viên cây xanh chung tập trung để tạo không gian sinh hoạt công cộng và tạo vi khí hậu cho khu vực;
- Trên cơ sở các công ty môi trường hiện hữu tại địa phương phát triển bố trí nhân lực quản lý và phương tiện thu gom chất thải rắn toàn đô thị. Khuyến khích việc xã hội hoá công tác thu gom chất thải rắn.

c. Giảm thiểu tác động do chất thải rắn, nghĩa trang:

- Các khu xử lý chất thải rắn và nghĩa trang phải được thiết kế cao độ nền phù hợp để chống ngập;
- Hạn chế hoặc không sử dụng công nghệ chôn lấp rác và hung táng (khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng) để tránh lan truyền ô nhiễm do ngập.

5. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan thỏa thuận quy hoạch: Sở Xây dựng An Giang;
- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan thẩm định: Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan trình thẩm định: Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú Đông;
- Đơn vị lập quy hoạch: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Ngọc Khánh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Thoại Sơn tổ chức công bố Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang để các tổ chức, đơn vị, các nhân có liên quan biết thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện; Trưởng phòng Kinh tế Hạ tầng; Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND xã Mỹ Phú Đông và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND huyện;
- CBTH.XD;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thành Được

